

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2023/DS-PT
Ngày: 06/9/2023
V/v “*Tranh chấp
hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;
Ông Trần Quốc Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 211/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 262/2023/QĐ-PT, ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thân Thị B, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ X, Khu phố X, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Ngọc Ph, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ Z, ấp N, xã Chà Là, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo hợp đồng ủy quyền: Anh Diệp Văn C, sinh năm 1987; địa chỉ: Số H, Đường B, khu phố N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bà Thân Thị B – là nguyên đơn; bà Huỳnh Ngọc Ph – là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm – bà Thân Thị B trình bày như sau:

Bà có tham gia góp hội do bà Ph làm chủ thảo, tham gia 04 dây hội gồm:

+ Dây hội 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/01/2018, gồm 17 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng sống được 15 kỳ thì hót được số tiền hơn 14.700.000 đồng, bà Ph gửi bà 700.000 đồng, bà Ph giữ lại 14.000.000 đồng và trừ luôn tiền hội chết.

+ Dây hội 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/5/2020, 21 hội viên bà tham gia 02 phần. Dây hội này bà đóng được 7 kỳ hội sống x 2 phần, do dịch bệnh nên không đóng nữa, dây này bà chưa hót.

+ Dây hội 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/01/2020, hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, bà tham gia 02 phần. Dây hội này bà đã đóng được 16 kỳ x 2 phần, do dịch bệnh nên không đóng hội nữa, dây này bà chưa hót.

+ Dây Hội 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/12/2020, gồm 22 phần, bà tham gia 02 phần, bà đóng sống được 07 kỳ x 2 phần, do dịch bệnh nên không đóng nữa, dây này bà chưa hót.

Tổng số tiền hội bà hót, bà Ph không đăng mà khấu trừ tiền hội chết và số tiền vay 50.000.000 đồng, bà còn nợ lại bà Ph 8.000.000 đồng, khấu trừ số tiền bà đã đóng hội sống cho bà Ph là 46.000.000 đồng. Yêu cầu bà Ph có nghĩa vụ trả số tiền 38.000.000 đồng.

Việc bà Ph yêu cầu bà trả tiền hội chết 56.660.000 đồng bà không đồng ý.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – anh Diệp Văn C trình bày:*

Bà Huỳnh Ngọc Ph là chủ thảo, bà Thân Thị B là hội viên, Bà B có tham gia 03 dây hội, cụ thể:

+ Dây hội 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/5/2020, Bà B tham gia 02 phần, Bà B hót phần hội thứ 1 kỳ thứ 6 hót vào ngày 10/10/2020, kêu 350.000 đồng, hót được số tiền 14.750.000 đồng, trừ còn 500.000 đồng, còn 14.250.000 đồng, bà Ph có đăng hội cho Bà B, Bà B có ký giấy nhận tiền đăng hội nhưng đã thất lạc giấy. Bà B hót phần hội thứ 2 vào kỳ thứ 8, ngày 10/12/2020, kêu 400.000 đồng, hót được số tiền 15.200.000 đồng, trừ còn 500.000 đồng, đăng hội cho Bà B số tiền 14.700.000 đồng, Bà B có ký giấy nhận tiền đăng hội nhưng đã thất lạc giấy. Bà B đóng hội chết đến kỳ thứ 11 thì ngưng, Bà B còn nợ 10 kỳ hội chết x 02 phần x 1.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

+ Dây hội 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/01/2020, gồm 23 phần, Bà B tham gia 02 phần. Bà B hót phần hội thứ 1 vào kỳ thứ 1 hót vào ngày 10/01/2020, kêu 620.000 đồng, hót được số tiền 30.360.000 đồng, trừ còn 1.000.000 đồng, còn 29.360.000 đồng, bà Ph có đăng hội cho Bà B, Bà B có ký giấy nhận tiền đăng hội nhưng đã thất lạc giấy. Phần hội thứ 2 Bà B đóng hội sống đến kỳ thứ 15, vào tháng 03/2021 thì ngưng. Tại thời điểm tháng 3/2021 Bà B đóng hội cho tất cả các dây hội còn nợ lại số tiền 8.000.000 đồng. Bà Ph xác định phần hội thứ 1 Bà B còn nợ lại 8 kỳ hội chết x 2.000.000 đồng /tháng = 16.000.000 đồng, bà Ph nợ Bà B 14 kỳ hội sống của phần hội thứ 2 số tiền 19.120.000 đồng; riêng kỳ 15 vào tháng 3/2021, kêu 550.000 đồng, đóng

1.450.000 đồng nhưng Bà B chưa đóng cộng vào số tiền 8.900.000 đồng, Bà B đã đóng được 900.000 đồng, còn nợ số tiền 8.000.000 đồng. Bà B đóng sống được 15 kỳ hội sống số tiền 20.570.000 đồng.

+ Dây hội 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/12/2020, gồm 22 phần, Bà B tham gia 02 phần. Bà B hót phần hội thứ 1, vào kỳ thứ 3 ngày 10/02/2021, số tiền 31.550.000 đồng, trừ cò 1.000.000 đồng, còn đăng cho Bà B số tiền 30.550.000 đồng, có giấy đăng hội Bà B ký nhưng đã thất lạc giấy. Phần hội thứ 2 Bà B đóng sống đến tháng 3/2021 thì ngưng không đóng nữa, Bà B đóng hội sống được 04 kỳ số tiền 5.670.000 đồng nhưng kỳ thứ 4 Bà B chưa đóng số tiền 1.450.000 đồng (số tiền này cộng vào số tiền 8.900.000 đồng, Bà B đã đóng 900.000 đồng, còn nợ lại 8.000.000 đồng). Bà B còn nợ lại 18 kỳ hội chết phần hội thứ 1 x 2.000.000 đồng/tháng = 36.000.000 đồng.

Bà B không có tham gia dây hội năm 2018 và cũng không có việc bà Ph cho Bà B vay tiền 50.000.000 đồng như Bà B trình bày.

Bà Huỳnh Ngọc Ph yêu cầu bà Thân Thị B trả lại số tiền hội chết là 80.000.000 đồng bao gồm tất cả các tiền hội chết mà bà Ph đã chàng (đã bao gồm số tiền 8.000.000 đồng). Phần tiền hội sống Bà B đã đóng dây hội 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/12/2020 được 04 kỳ và dây hội 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/01/2020 được 15 kỳ, số tiền 23.340.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền Bà B còn nợ bà Ph là 80.000.000 đồng - 23.340.000 đồng = 56.660.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Áp dụng các Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hội của bà Thân Thị B đối với bà Huỳnh Ngọc Ph.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Ngọc Ph yêu cầu bà Thân Thị B trả số tiền hội còn nợ là 8.000.000 đồng.

3. Buộc bà Huỳnh Ngọc Ph có nghĩa vụ trả cho bà Thân Thị B số tiền hội còn nợ là 34.000.000 đồng, khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng Bà B còn nợ, bà Ph phải có nghĩa vụ trả cho Bà B số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ khi [người được thi hành án](#) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2023 bà Ph có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà.

Ngày 14/6/2023 Bà B có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà, bác toàn bộ yêu cầu của bà Ph.

Tại cấp phúc thẩm: Bà B có đơn xin vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi văn bản trình bày ý kiến: Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ph.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Thân Thị B, bà Huỳnh Ngọc Ph. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của Bà B, bà Ph làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Bà B, thấy rằng:

Bà B và bà Ph thống nhất Bà B tham gia 03 dây hụi, mỗi dây tham gia 02 phần.

Tại biên bản đối chất (BL số 71, 72) Bà B thừa nhận hụi khai ngày 10/5/2020 bà đã hốt hết 02 phần; hụi khai ngày 10/01/2020 bà hốt 01 phần còn 01 phần sống đóng 16 kỳ; hụi khai ngày 10/12/2020 hốt 01 phần còn một phần sống đóng 7 kỳ.

Xét thấy, dây hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/12/2020, Bà B cho rằng đã đóng hụi sống được 07 kỳ là 14.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh việc bà đã giao tiền cho bà Ph được 07 kỳ hụi sống. Bà Ph chỉ thừa nhận dây hụi này Bà B còn phần hụi sống đóng được 03 kỳ. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/01/2020, Bà B cho rằng đã đóng hụi sống được 16 kỳ là 32.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh việc bà đã đóng cho chị Phượng được 16 kỳ hụi sống. Bà Ph thừa nhận dây hụi này Bà B còn 01 phần hụi sống đóng được 14 kỳ.

Bà B kháng cáo yêu cầu bà Ph trả cho bà tiền hụi sau khi khấu trừ tiền hụi sống bà đóng 46.000.000 đồng, hụi chết, tiền vay còn lại bà Ph phải trả cho bà là 38.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Ph, thấy rằng:

Bà Ph cho rằng Bà B có tham gia 03 phần hụi 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/5/2020, 01 phần hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/01/2020, 01 phần hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/12/2020, hiện còn nợ số tiền 80.000.000 đồng bao gồm: Dây hụi mở ngày 10/5/2020 Bà B còn nợ 10 kỳ hụi chết là 20.000.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/01/2020 Bà B còn nợ lại 8 kỳ hụi chết là 16.000.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/12/2020, Bà B còn nợ lại 18 kỳ hụi chết là 36.000.000 đồng + 8.000.000 đồng tiền các lần Bà B đóng hụi còn nợ lại.

Khi đăng hụi bà Ph có cho Bà B ký tên nhận tiền nhưng đã thất lạc giấy nhận tiền. Bà B thừa nhận có tham gia và hốt 4 phần hụi nhưng bà Ph không có đăng tiền hụi trực tiếp mà cản trừ vào số tiền Bà B đã vay mượn 50.000.000 đồng trước đó và trừ tiền đóng lại các phần hụi chết sau này.

Xét thấy, bà Ph không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc Bà B có nhận tiền đăng hụi các phần hụi trên nên kháng cáo của bà không có cơ sở chấp nhận.

Riêng phần hụi khai năm 2018, hụi 1.000.000 đồng/tháng, Bà B khai bà đóng hụi sống được 15 kỳ. Bà Ph không thừa nhận có dây hụi này, Bà B không có chứng cứ chứng minh có góp hụi, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thân Thị B, bà Huỳnh Ngọc Ph, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bà B, bà Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Thân Thị B, bà Huỳnh Ngọc Ph; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Thân Thị B đối với bà Huỳnh Ngọc Ph.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Ngọc Ph yêu cầu bà Thân Thị B trả số tiền hụi còn nợ là 8.000.000 (tám triệu) đồng.

4. Buộc bà Huỳnh Ngọc Ph có nghĩa vụ trả cho bà Thân Thị B số tiền hụi còn nợ là 34.000.000 đồng, khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng Bà B còn nợ, bà Ph phải có nghĩa vụ trả cho Bà B số tiền 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ khi **người được thi hành án** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thân Thị B được miễn án phí.

Bà Huỳnh Ngọc Ph phải chịu 3.733.000 (ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn) đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0012610, ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Bà Ph còn phải nộp tiếp số tiền 1.733.000 (Một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn) đồng

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Thân Thị B được miễn án phí.

Bà Huỳnh Ngọc Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013575, ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. D;
- CCTHADS h. D;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thị Tuyên